



KTCT-270 câu trắc nghiệm thi cuối kỳ-có đáp án

KTCT Mác-Lênin (Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

CƯƠNG ÔN TẬP MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin là:

- a. Các lực lượng sản xuất
- b. Các hình thái kinh tế-xã hội trong lịch sử
- c. **Các quan hệ xã hội trong sản xuất và trao đổi**
- d. Các học thuyết kinh tế chính trị và kinh tế

2. Ai là người có công lao trong việc phát triển học thuyết kinh tế chính trị Mác – Lênin?

- a. Hêghen
- b. Ăngghen
- c. **Lênin**
- d. Quesnay

3. Phương pháp nghiên cứu đặc **thù** của kinh tế chính trị Mác - Lênin là?

- a. Phương pháp phân tích
- b. **Phương pháp trừu tượng hóa khoa học**
- c. Phương pháp thống kê
- d. Phương pháp so sánh

4. Kinh tế chính trị Mác - Lênin có mấy chức năng cơ bản:

- a. 2
- b. 3
- c. **4**
- d. 5

5. Chức năng nào sau đây không phải là chức năng cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin?

- a. Chức năng nhận thức
- b. Chức năng thực tiễn
- c. Chức năng phương pháp luận
- d. **Chức năng bản thể luận**

6. Thuật ngữ khoa học “Kinh tế chính trị” được xuất hiện lần đầu tiên vào thế kỷ:

- a. XVI
- b. **XVII**
- c. XVIII
- d. XIX

7. Đại biểu tiêu biểu của chủ nghĩa **trọng nông ở Pháp** là:

- a. **F.Quesnay, Turgot**
- b. Dewey, Sartre

- c. Camus, Bergson
- d. Descartes, Diderot

8. Đại biểu tiêu biểu của kinh tế **chính trị tư sản cổ điển Anh** gồm:

- a. F.Quesnay, Turgot
- b. **W.Petty, A.Smith, D.Ricardo**
- c. A.Camus, H.Bergson
- d. R.Descartes, D.Diderot

9. Mục đích chủ yếu của nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin là gì?

- a. Nhằm xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh
- b. **Nhằm khám phá các quy luật kinh tế chi phối các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi**
- c. Nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc
- d. Nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

10. Lý luận “Kinh tế chính trị” của C.Mác và Ph.Ăngghen được thể hiện tập trung và cô đọng nhất trong tác phẩm nào dưới đây?

- a. Tuyên ngôn của đảng cộng sản
- b. Gia đình thần thánh
- c. **Tư bản**
- d. Hệ tư tưởng Đức

11. Thuật ngữ khoa học “Kinh tế chính trị” xuất hiện lần đầu tiên trong tác phẩm nào dưới đây?

- a. Tư bản (C.Mác)
- b. **Chuyên luận về kinh tế chính trị (A.Montchretien)**
- c. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh (Ph.Ăngghen)
- d. Sự trỗi dậy và suy tàn của đế chế thứ ba (William L.Shirer)

12. Trong số các nhà kinh tế học dưới đây, ai là người có công lao làm cho kinh tế chính trị trở thành một môn khoa học?

- a. **A.Smith**
- b. F.Quesnay
- c. W. Petty
- d. D.Ricardo

13. Chọn luận điểm đúng nhất trong các luận điểm sau đây:

- a. **Chủ nghĩa trọng thương coi trọng vai trò của hoạt động thương mại**
- b. Chủ nghĩa trọng thương coi trọng vai trò của hoạt động nông nghiệp
- c. Chủ nghĩa trọng thương coi trọng vai trò của hoạt động thương thuyết
- d. Chủ nghĩa trọng thương bắt đầu từ thời kỳ Cổ đại đến cuối thế kỷ XV

14. Quy luật kinh tế là gì?

- a. Quy luật kinh tế là những mối liên hệ bản chất, khách quan, lặp đi lặp lại của sự vật hiện tượng với nhau
- b. Quy luật kinh tế là những mối liên hệ bản chất, khách quan, lặp đi lặp lại của các hiện tượng và quá trình kinh tế**
- c. Quy luật kinh tế là những mối liên hệ tất nhiên, ổn định và phát triển bền vững của các chính sách kinh tế
- d. Quy luật kinh tế là sản phẩm chủ quan của con người được hình thành trên cơ sở vận dụng các chính sách kinh tế

15. Các chức năng cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin gồm:

- a. Chức năng thế giới quan, chức năng nhân sinh quan, chức năng thực tiễn, chức năng phương pháp luận
- b. Chức năng nhận thức, chức năng thực tiễn, chức năng tư tưởng, chức năng phương pháp luận**
- c. Chức năng xã hội, chức năng giáo dục, chức năng nhận thức, chức năng tư tưởng
- d. Chức năng tâm lý, chức năng phương pháp luận, chức năng thực tiễn, chức năng giáo dục

16. Hệ thống lý luận chính trị đầu tiên nghiên cứu về phương thức sản xuất tư bản của nghĩa là:

- a. Chủ nghĩa thực dụng
- b. Chủ nghĩa hiện sinh
- c. Chủ nghĩa trọng nông
- d. Chủ nghĩa trọng thương**

17. Chọn ý đúng về kinh tế chính trị Mác - Lênin:

- a. Một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin**
- b. Một trong ba tiền đề hình thành chủ nghĩa Mác - Lênin
- c. Một trong ba nguồn gốc của chủ nghĩa Mác - Lênin
- d. Một trong ba học thuyết quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin

18. Ai là người đầu tiên đưa ra khái niệm “Kinh tế chính trị”?

- a. Antoine Montchretien**
- b. Francois Quesney
- c. Tomas Mun
- d. William Petty

19. Ai là người được coi là nhà kinh tế thời kỳ công trường thủ công?

- a. W.Petty
- b. A.Smith**
- c. D.Ricardo
- d. R.T.Mathus

20. D.Ricardo là nhà kinh tế của thời kỳ nào?

- a. Thời kỳ tích lũy nguyên thủy tư bản chủ nghĩa
- b. Thời kỳ hiệp tác giản đơn
- c. Thời kỳ công trường thủ công
- d. **Thời kỳ đại công nghiệp cơ khí**

21. Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã kế thừa và phát triển trực tiếp những thành tựu của:

- a. Chủ nghĩa trọng thương
- b. Chủ nghĩa trọng nông
- c. **Kinh tế chính trị cổ điển Anh**
- d. Học thuyết công lợi

22. Phương pháp trừu tượng hóa khoa học là:

- a. Gạt bỏ những bộ phận phức tạp của đối tượng nghiên cứu, giữ lại những gì đơn giản, dễ hiểu
- b. Quá trình đi từ cụ thể đến trừu tượng và ngược lại
- c. Gạt bỏ những hiện tượng ngẫu nhiên, bề ngoài, chỉ giữ lại những mối liên hệ phổ biến mang tính bản chất
- d. **Gạt bỏ những hiện tượng ngẫu nhiên, bề ngoài, chỉ giữ lại những mối liên hệ phổ biến mang tính bản chất, là quá trình đi từ cái cụ thể đến trừu tượng vào ngược lại**

23. Thuật ngữ “Kinh tế chính trị” được sử dụng lần đầu tiên vào năm nào?

- a. 1610
- b. 1612
- c. **1615**
- d. 1618

24. Hãy chọn phương án đúng nhất về đặc điểm của quy luật kinh tế:

- a. **Mang tính khách quan và phát huy tác dụng thông qua hoạt động kinh tế của con người**
- b. Mang tính chủ quan, hoàn toàn phụ thuộc vào ý thức của những người làm kinh tế
- c. Mang tính tuyệt đối, tính phổ biến và toàn diện
- d. Mang tính cụ thể, tính tương đối và tuyệt đối

25. Chọn phương án đúng nhất về mối quan hệ giữa quy luật kinh tế và chính sách kinh tế:

- a. Quy luật kinh tế là cơ sở của chính sách kinh tế
- b. Chính sách kinh tế là hoạt động chủ quan của nhà nước trên cơ sở nhận thức và vận dụng các quy luật kinh tế
- c. Quy luật kinh tế và chính sách kinh tế đều phụ thuộc vào các điều kiện khách quan
- d. **Các phương án được nêu đều đúng**

26. Trong các khâu của quá trình tái sản xuất, khâu nào là mục đích và là động lực?

a. Sản xuất

- b. Phân phối
- c. Trao đổi
- d. Tiêu dùng

27. *Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối có những hạn chế nào sau đây?*

- a. Gặp phải sự phản kháng quyết liệt của công nhân
- b. Năng suất lao động không thay đổi
- c. Không thỏa mãn khát vọng làm gia tăng giá trị thặng dư của nhà tư bản

d. Các phương án được nêu đều đúng

28. *Nhận xét nào dưới đây về phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là không đúng?*

- a. Chủ yếu áp dụng ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản khi kỹ thuật còn mang tính thủ công, lạc hậu
- b. Giá trị sức lao động không thay đổi
- c. Thời gian lao động trong một ngày không thay đổi**
- d. Thời gian lao động thặng dư thay đổi

29. *Tiền công danh nghĩa phụ thuộc vào các yếu tố nào?*

- a. Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của người lao động
- b. Mức độ phức tạp hay giản đơn của công việc
- c. Quan hệ cung cầu về hàng hóa sức lao động

d. Các phương án được nêu đều đúng

30. *Trong các yếu tố dưới đây, yếu tố nào không thuộc phạm trù tư bản bất biến?*

- a. Máy móc, thiết bị, nhà xưởng
- b. Tiền lương, tiền thưởng**
- c. Kết cấu hạ tầng sản xuất
- d. Nguyên, nhiên vật liệu

31. *Yếu tố nào trong quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa đã làm tăng thêm giá trị của hàng hóa?*

- a. Tư liệu sản xuất
- b. Sức lao động**
- c. Tài kinh doanh của thương nhân
- d. Sự khan hiếm của hàng hóa

32. *Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động, khi sử dụng sẽ tạo ra:*

- a. Giá trị mới bằng giá trị sức lao động
- b. Giá trị mới lớn hơn giá trị sức lao động**
- c. Giá trị mới nhỏ hơn giá trị sức lao động

- d. Giá trị sử dụng mới lớn hơn giá trị sử dụng sức lao động

33. Địa tô tuyệt đối được thu trên loại ruộng đất nào?

- a. Ruộng tốt
- b. Ruộng trung bình
- c. Ruộng xấu

d. Các phương án được nêu đều đúng

34. Tiền công tính theo thời gian và tiền công tính theo sản phẩm có quan hệ với nhau như thế nào?

- a. Hai hình thức tiền công không có quan hệ gì
- b. Hai hình thức tiền công áp dụng cho các loại công việc có đặc điểm khác nhau.
- c. Trả công theo sản phẩm dễ quản lý hơn trả công theo thời gian
- d. Tiền công tính theo sản phẩm là hình thức chuyển hóa của tiền công tính theo thời gian**

35. Thực chất của tích lũy tư bản là gì?

- a. Biến sức lao động thành tư bản
- b. Biến toàn bộ giá trị mới thành tư bản
- c. Biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản**
- d. Biến giá trị thặng dư thành tiền đưa vào tích lũy

36. Lợi nhuận bình quân phụ thuộc trực tiếp vào chi phí sản xuất và yếu tố nào?

- a. Tỷ suất lợi nhuận bình quân**
- b. Tỷ suất lợi nhuận
- c. Tỷ suất giá trị thặng dư
- d. Tỷ suất lợi tức

37. Giá trị thặng dư được tạo ra ở đâu?

- a. Trong lưu thông
- b. Trong sản xuất
- c. Vừa trong sản xuất vừa trong lưu thông**
- d. Trong trao đổi

38. Tỷ suất lợi nhuận là gì?

- a. Là tỷ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản khả biến
- b. Là tỷ số tính theo phần trăm giữa tỷ suất lợi nhuận và toàn bộ tư bản bất biến
- c. Là tỷ số tính theo phần trăm giữa lợi nhuận và toàn bộ giá trị của tư bản ứng trước**
- d. Là tỷ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản cố định

39. Vì sao hàng hóa có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng?

- a. **Vì lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt**
- b. Vì hoạt động sản xuất hàng hóa mang tính giản đơn
- c. Vì hàng hóa được đem ra trao đổi, mua bán trên thị trường
- d. Vì hàng hóa là sản phẩm lao động của con người và để đáp ứng nhu cầu của con người

40. *Chọn câu trả lời sai:*

- a. Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa
- b. Lao động cụ thể không phải là nguồn gốc duy nhất của giá trị sử dụng do nó sản xuất ra c.
Lao động trừu tượng tạo ra giá trị
- d. **Lao động cụ thể và lao động trừu tượng không tạo ra giá trị**

41. *Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa?*

- a. Năng suất lao động, cường độ lao động
- b. Mức độ phức tạp của lao động
- c. Yếu tố cung cầu trên thị trường
- d. **Các phương án được nêu đều đúng**

42. *Chọn câu trả lời đúng. Quy luật giá trị có yêu cầu gì?*

- a. **Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội, lưu thông hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá**
- b. Phải điều chỉnh sao cho hao phí lao động cá biệt tương xứng với hao phí lao động xã hội
- c. Phải điều tiết quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa
- d. Phải cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động

43. *Lịch sử phát triển của nền sản xuất xã hội trải qua hai kiểu tổ chức kinh tế nào?*

- a. Sản xuất giá trị thặng dư và sản xuất tự cung tự cấp
- b. **Sản xuất tự cung tự cấp và sản xuất hàng hóa**
- c. Sản xuất giá trị thặng dư và sản xuất hàng hóa
- d. Kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể

44. *Tiền tệ có mấy chức năng?*

- a. 5
- b. 7
- c. 6
- d. 8

45. *Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa là quy luật nào?*

- a. Quy luật cung - cầu
- b. Quy luật cạnh tranh

c. Quy luật giá trị

d. Quy luật lưu thông tiền tệ

46. Thuộc tính cơ bản của hàng hóa là:

- a. Giá trị và giá trị trao đổi
- b. Giá trị sử dụng và giá trị thặng dư
- c. **Giá trị và giá trị sử dụng**
- d. Giá trị thặng dư và giá cả

47. So với kinh tế tự nhiên, kinh tế hàng hóa có ưu thế nào?

- a. Thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội
- b. Tạo nhiều hàng hoá đáp ứng nhu cầu đa dạng cho xã hội
- c. Thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, tạo điều kiện cho nền sản xuất hàng hoá lớn ra đời và phát triển
- d. **Các phương án được nêu đều đúng**

48. Giữa công thức lưu thông hàng hóa giản đơn $H - T - H$ và công thức lưu thông của tư bản $T - H - T'$, chúng có điểm giống nhau là gì? Chọn phương án sai

- a. Lưu thông hàng hóa giản đơn và lưu thông của tư bản đều có sự hiện diện của tiền và hàng
- b. Lưu thông hàng hóa giản đơn và lưu thông của tư bản đều có quá trình mua - bán diễn ra
- c. Lưu thông hàng hóa giản đơn và lưu thông của tư bản đều thiết lập mối quan hệ giữa người mua và người bán
- d. **Lưu thông hàng hóa giản đơn và lưu thông của tư bản đều cùng chung mục đích là giá trị sử dụng**

49. Trong các chức năng của tiền tệ, chức năng nào là chức năng quan trọng nhất?

- a. Phương tiện cất trữ
- b. Phương tiện thanh toán
- c. **Thước đo giá trị**
- d. Chức năng tiền tệ thế giới

50. Công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người là khái niệm thuộc về:

- a. Giá trị
- b. Giá trị trao đổi
- c. Giá cả
- d. **Giá trị sử dụng**

51. Tính hai mặt của lao động, sản xuất hàng hóa là:

- a. Lao động giản đơn và lao động phức tạp
- b. Lao động trí óc và lao động chân tay

c. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng

d. Lao động cá nhân và lao động tập thể

52. Chức năng nào sau đây không phải là chức năng cơ bản của tiền tệ?

a. Thước đo giá trị

b. Phương tiện thanh toán

c. Phương tiện lao động

d. Phương tiện lưu thông

53. Khi năng suất lao động tăng, số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian sẽ:

a. Không đổi

b. Tăng

c. Tăng gấp đôi

d. Giảm

54. Chọn phương án đúng nhất về lao động cụ thể:

a. Là những việc làm cụ thể để tạo ra giá trị của hàng hóa

b. Là lao động có mục đích và công cụ lao động cụ thể

c. Là lao động ở các ngành nghề cụ thể

d. Là lao động lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định

55. Giá trị hàng hóa được quyết định bởi?

a. Sự khan hiếm của hàng hóa

b. Giá trị sử dụng của hàng hóa

c. Giá cả của hàng hóa

d. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết kinh trong hàng hóa ấy

56. Dịch vụ có được xem là hàng hóa không?

a. Dịch vụ không phải là hàng hóa

b. Dịch vụ là một loại hàng hóa giản đơn

c. Dịch vụ là một loại hàng hóa hữu hình

d. Dịch vụ là một loại hàng hóa vô hình

57. Hàng hóa nào sau đây không được xem là hàng hóa đặc biệt?

a. Thương hiệu

b. Quyền sử dụng đất đai

c. Các loại thuốc quý hiếm

d. Chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá

58. Theo nghĩa hẹp, khái niệm thị trường được hiểu là:

- a. Nơi diễn ra hành vi trao đổi, mua bán hàng hoá giữa các chủ thể kinh tế với nhau
- b. Tổng hòa các mối quan hệ liên quan đến sản xuất hàng hóa trong xã hội
- c. Là nơi điều chỉnh quá trình sản xuất để thu được giá trị thặng dư
- d. Là thước đo giá trị của hàng hóa

59. *Kết quả cạnh tranh trong nội bộ ngành sẽ hình thành:*

- a. **Giá trị thị trường**
- b. Giá trị thặng dư
- c. Giá trị sử dụng
- d. Giá trị sản xuất

60. *Căn cứ vào đâu để chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến?*

- a. Tốc độ chu chuyển chung của tư bản
- b. Phương thức chuyển giá trị các bộ phận tư bản sang sản phẩm
- c. **Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư**
- d. Sự thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất

61. *Ngoài phân công lao động xã hội, sự ra đời của sản xuất hàng hoá còn dựa trên điều kiện nào?*

- a. Quá trình trao đổi hàng hoá để đáp ứng nhu cầu của nhiều người
- b. Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển mạnh mẽ
- c. **Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa các chủ thể sản xuất**
- d. Chế độ tư bản chủ nghĩa ra đời

62. *Câu trả lời nào sau đây không đúng về bản chất của tiền tệ?*

- a. Là hàng hóa đặc biệt, được tách ra từ thế giới hàng hóa
- b. Tiền dùng làm vật ngang giá chung cho các hàng hóa khác
- c. Phản ánh quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa với nhau
- d. **Là yếu tố quyết định giá trị thặng dư**

63. *Yếu tố quyết định đến giá cả hàng hoá là*

- a. **Giá trị của hàng hoá**
- b. Quan hệ cung cầu về hàng hoá
- c. Giá trị sử dụng của hàng hoá
- d. Mẫu mã của hàng hoá

64. *Hãy điền vào chỗ trống sau để hoàn thành luận điểm của C.Mác: “Chỉ có sản phẩm của những người lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như là những (...)”* a. Con người

- b. **Hàng hóa**
- c. Vật phẩm

d. Đồ vật

65. *Giá trị sử dụng là:*

- a. **Một trong hai thuộc tính cơ bản của hàng hóa**
- b. Giá trị trao đổi
- c. Giá trị
- d. Giá trị thặng dư

66. *Lý luận giá trị thặng dư của C.Mác được trình bày cô đọng nhất trong tác phẩm nào?* a. Hệ tư tưởng Đức

- b. Gia đình thần thánh
- c. **Tư bản**
- d. Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị

67. *Chọn phương án đúng nhất về sản xuất hàng hóa:*

- a. **Là sản xuất ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người khác thông qua trao đổi, mua bán**
- b. Là sản xuất ra sản phẩm có ích cho mọi người
- c. Là sản xuất ra sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu cho người sản xuất
- d. Là sản xuất ra sản phẩm có giá trị sử dụng cao

68. *Sản xuất hàng hóa ra đời, tồn tại trong điều kiện nào sau đây?*

- a. Xuất hiện giai cấp tư sản
- b. Có sự tách biệt tuyệt đối về kinh tế giữa những người sản xuất
- c. **Xuất hiện sự phân công lao động xã hội và có sự tách biệt tương đối về kinh tế giữa những người sản xuất**
- d. Xuất hiện chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất

69. *Mệnh đề nào dưới đây không phải là đặc trưng của sản xuất hàng hóa?*

- a. Sản xuất được chuyên môn hóa ngày càng cao
- b. Thị trường ngày càng mở rộng
- c. Liên hệ giữa các ngành, các vùng, các nước ngày càng chặt chẽ
- d. **Sản phẩm làm ra nhằm thỏa mãn nhu cầu người sản xuất**

70. *Đâu không phải ưu thế của sản xuất hàng hóa?*

- a. Gia tăng không hạn chế của thị trường là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển
- b. Cạnh tranh là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển
- c. Giao lưu kinh tế và văn hóa trong nước và quốc tế ngày càng phát triển
- d. **Phân hóa giàu - nghèo**

71. *Hàng hóa là gì? Chọn phương án đúng nhất*

- a. Là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán
- b. Là những sản phẩm có thể thỏa mãn được nhu cầu nào đó của con người
- c. Là mọi sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người
- d. Là sản phẩm có sẵn trong tự nhiên và xã hội

72. Chọn phương án đúng về giá trị sử dụng của hàng hóa?

- a. Là tính chất có ích, công dụng của vật thể đó có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của người mua
- b. Là nội dung vật chất của của cải không kể hình thức xã hội của nó như thế nào
- c. Là giá trị sử dụng cho người mua, cho xã hội
- d. **Các phương án được nêu đều đúng**

73. *Yếu tố nào được xác định là thực thể của giá trị hàng hóa?*

- a. **Lao động cụ thể**
- b. Lao động trừu tượng
- c. Lao động giản đơn
- d. Lao động phức tạp

74. *Giá trị hàng hóa được tạo ra từ đâu?*

- a. **Từ sản xuất hàng hóa**
- b. Từ phân phối hàng hóa
- c. Từ trao đổi hàng hóa
- d. Từ hưởng thụ vật phẩm

75. *Lao động trừu tượng là gì?*

- a. Là lao động không xác định được kết quả cụ thể
- b. **Là lao động của người sản xuất hàng hóa xét dưới hình thức hao phí sức lực nói chung của con người, không kể đến hình thức cụ thể của nó như thế nào**
- c. Là lao động của những người sản xuất nói chung
- d. Các phương án được nêu đều đúng

76. *Ai là người phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa?*

- a. A.Smith
- b. D.Ricardo
- c. **C.Mác**
- d. Ph.Ăngghen

77. *Chọn phương án sai về lao động phức tạp?*

- a. Trong cùng một thời gian lao động, lao động phức tạp tạo ra nhiều sản phẩm hơn lao động giản đơn
- b. **Lao động phức tạp là lao động giản đơn nhân đôi**
- c. Lao động phức tạp là lao động trong môi trường đặc biệt
- d. Lao động phức tạp là lao động trải qua đào tạo, huấn luyện

78. *Tác động của yếu tố nào dưới đây làm thay đổi lượng giá trị của một đơn vị sản phẩm?*

- a. Cường độ lao động
- b. Năng suất lao động**
- c. Cả cường độ lao động và năng suất lao động
- d. Công cụ lao động

79. *Thước đo lượng giá trị của hàng hóa được tính bằng yếu tố nào? Thời gian lao động cá biệt của người sản xuất*

Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa

- c. Thời gian lao động của người có năng suất lao động trung bình trong xã hội
- d. Thời gian lao động của người có cường độ lao động trung bình trong xã hội

80. *Giá trị cá biệt của hàng hóa do yếu tố nào quyết định?*

- a. Hao phí lao động xã hội cần thiết quyết định
- b. Hao phí lao động của ngành quyết định
- c. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định**
- d. Hao phí lao động xã hội cần thiết quyết định

81. *Trong lịch sử phát triển của nền sản xuất hàng hóa có mấy hình thái giá trị?* a.

- Có 2 hình thái
- b. Có 3 hình thái
- c. Có 4 hình thái**
- d. Có 5 hình thái

82. *Sự phát triển các hình thái giá trị trong nền kinh tế hàng hóa biểu hiện thông qua những hình thái cụ thể nào sau đây? Chọn phương án sai*

- a. Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên
- b. Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng
- c. Hình thái chung của giá trị và hình thái tiền tệ
- d. Hình thái biểu hiện tương đối của giá trị sử dụng**

83. *Trong hình thái giản đơn, ngẫu nhiên của giá trị “Ví dụ: 1m vải = 10 kg lúa” theo Mác thì: “1m vải” đóng vai trò gì trong trao đổi?*

- a. Hình thái biểu hiện tương đối của giá trị sử dụng
- b. Hình thái vật ngang giá cho trao đổi**
- c. Hình thái vật ngang giá chung
- d. Hình thái biểu hiện tương đối của giá trị

84. *Bản chất của tiền tệ là gì?*

- a. Là thước đo giá trị của hàng hóa
- b.

- b. Là phương tiện để lưu thông hàng hóa và để thanh toán
- c. Là hàng hóa đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung thống nhất**
- d. Là vàng, bạc

85. Mệnh đề nào sau đây không phải bản chất của tiền tệ?

- a. Tiền thể hiện lao động xã hội và quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.
- b. Tiền là hàng hóa đặc biệt được tách ra từ trong thế giới hàng hóa làm vật ngang giá chung cho cả thế giới hàng hóa
- c. Tiền là hình thái biểu hiện cao nhất của giá trị hàng hóa**
- d. Tiền là thước đo giá trị hàng hóa

86. Tiền làm phương tiện lưu thông biểu hiện như thế nào?

- a. Tiền là thước đo giá trị của hàng hóa
Tiền dùng để trả nợ, nộp thuế
- Tiền là môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa**
- d. Tiền dùng để trả khoản mua chịu hàng hóa

87. Trong phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, người lao động muốn giảm thời gian lao động trong ngày còn nhà đầu tư lại muốn kéo dài thời gian lao động trong ngày, giới hạn tối thiểu của ngày lao động là bao nhiêu?

- a. Đủ bù đắp giá trị sức lao động của công nhân
- b. Bằng thời gian lao động cần thiết
- c. Do nhà tư bản quy định
- d. Lớn hơn thời gian lao động cần thiết**

88. Mệnh đề nào không thuộc nội dung của quy luật giá trị?

- a. Sản xuất hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết
- b. Trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở ngang giá
- c. Sự vận động của quy luật giá trị thông qua sự vận động của giá cả hàng hóa
- d. Tác động đến luồng vận chuyển của hàng hóa từ nơi giá thấp đến nơi giá cao**

89. Mệnh đề nào sau đây không phải là tác động của quy luật giá trị?

- a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- b. Cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển
- c. Thực hiện lựa chọn tự nhiên và phân hóa giàu nghèo
- d. Giảm bớt chênh lệch về mức sống giữa các tầng lớp dân cư**

c.

90. Quy luật giá trị hoạt động thông qua cái gì?

- a. Sự vận động của giá cả hàng hóa trên thị trường
- b. Sự vận động của quan hệ cung - cầu
- c. Sự biến động của tiền tệ
- d. Sự điều chỉnh hoạt động của người sản xuất kinh doanh

91. Theo Mác, quan hệ lưu thông hàng hóa giản đơn vận động theo công thức nào? a.

- T-H-T
- b. H-T-H
- c. T-H-T'
- d. H-T-H'

92. Mục đích của lưu thông hàng hóa giản đơn là:

- a. Giá trị sử dụng
- b. Giá trị
- c. Giá trị thặng dư
- d. Giá cả sản xuất

93. Lưu thông tư bản nhằm mục đích gì?

- a. Đạt được giá trị và giá trị thặng dư
- b. Đạt được giá trị sử dụng để thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất ra nó Gia tăng giá cả hàng hóa
- Đổi giá trị sử dụng này lấy giá trị sử dụng khác

94. Một trong hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa là:

- a. Người lao động được tự do buôn bán các loại hàng hóa
- b. Người lao động được tự do về thân thể
- c. Người lao động có khả năng lao động
- d. Người lao động có đủ tư liệu sản xuất cần thiết để sản xuất hàng hóa

95. Phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người lao động làm thuê tạo ra và thuộc về nhà tư bản gọi là gì?

- a. Giá trị hàng hóa sức lao động
- b. Giá trị thặng dư
- c. Chi phí sản xuất
- d. Chi phí quản lý

d.

96. Loại tư bản nào tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm?

- a. **Tư bản bất biến**
- b. Tư bản khả biến
- c. Tư bản cố định
- d. Tư bản lưu động

97. Chọn phương án đúng về tiền công?

- a. Tiền công là giá cả của lao động
- b. Tiền công biểu hiện đúng giá trị sức lao động
- c. **Tiền công là giá cả hàng hóa sức lao động**
- d. Tiền công biểu hiện giá cả của những tư liệu sinh hoạt

98. Bản chất của tích lũy tư bản là gì?

- a. Tích lũy tư bản là tăng số lượng công nhân trong một chu trình sản xuất
- b. Tích lũy tư bản là chuyển kết quả sản xuất thành tài sản riêng của nhà tư bản
- c. Tích lũy tư bản là tập trung tư bản nhằm mở rộng sản xuất
- d. **Tích lũy tư bản là tư bản hóa giá trị thặng dư**

99. Điểm giống nhau giữa phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối là?

- a. **Đều làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư**
- b. Đều làm giảm khối lượng giá trị thặng dư
- c. Đều làm tăng thời gian lao động tất yếu
- d. Đều giảm thời gian lao động thặng dư

100. Phương pháp phổ biến để tạo ra giá trị thặng dư siêu ngạch là?

- a. Tăng năng suất lao động xã hội
- b. **Tăng năng suất lao động cá biệt**
- c. Sản xuất ngày càng nhiều của cải vật chất

e.

Làm cho lao động ngày càng lệ thuộc vào tư bản

101. Nhân tố nào không làm tăng quy mô tích lũy tư bản?

- a. Nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư
- b. Nâng cao năng suất lao động
- c. Sử dụng hiệu quả máy móc
- d. Nâng cao giá trị sức lao động**

102. Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động, nguyên nhiên vật liệu, vật liệu phụ, giá trị của nó được chuyển một lần, toàn phần vào giá trị sản phẩm khi kết thúc từng quá trình sản xuất gọi là:

- a. Tư bản cố định
- b. Tư bản lưu động**
- c. Tư bản bất biến
- d. Tư bản khả biến

103. Điểm khác nhau căn bản giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến là?

- a. Tư bản bất biến tạo ra nhiều giá trị thặng dư hơn tư bản khả biến
- b. Tư bản bất biến tạo ra giá trị mới, tư bản khả biến không tạo ra giá trị mới
- c. Tư bản khả biến tạo ra giá trị sử dụng, tư bản khả biến tạo ra giá trị thặng dư
- d. Tư bản bất biến không tạo ra giá trị thặng dư, tư bản khả biến thông qua lao động trừu tượng của công nhân, tạo ra giá trị thặng dư**

104. Theo chủ nghĩa Mác, việc phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến nhằm:

- a. Tìm hiểu quá trình di chuyển tư bản vào trong từng loại sản phẩm
- b. Xác định vai trò của lao động quá khứ và lao động sống trong sản xuất tư bản chủ nghĩa
- c. Để hình thành giá cả thị trường
- d. Xác định nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư**

105. Công thức tính khối lượng giá trị thặng dư là:

- a. $M = m' \cdot V$**
- b. $M = m \cdot v$
- c. $M = m' \cdot v$
- d. $M = (m' \cdot V) : x$

106. Trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, giá cả sản xuất có vai trò gì?

- a. Điều tiết giá cả thị trường**
- b. Điều tiết lợi nhuận
- c. Xác định tỷ suất giá trị thặng dư
- d. Xác định quy mô tích lũy tư bản

107. Căn cứ vào phương thức chuyển giá trị của từng bộ phận tư bản, tư bản sản xuất gồm:
- a. Tư bản bất biến và tư bản ứng trước
 - b. Tư bản cho vay và tư bản hàng hóa
 - c. Tư bản tiền tệ và tư bản lưu thông
 - d. Tư bản cố định và tư bản lưu động**
108. Một trong những hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường là? **a.**
- Lợi nhuận**
 - b. Lợi ích
 - c. Độc quyền
 - d. Giá cả
109. Thực chất của tư bản là gì?
- a. Là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động không công của công nhân làm thuê**
 - b. Là toàn bộ số tiền của nhà tư bản có được
 - c. Là toàn bộ tư liệu sản xuất của xã hội
 - d. Là toàn bộ tư bản trả cho lao động làm thuê
110. Nguồn gốc duy nhất của tích lũy tư bản là:
- a. Tiết kiệm
 - b. Giá trị thặng dư**
 - c. Bán hàng hóa cao hơn giá trị
 - d. Sử dụng hiệu quả máy móc
111. Tìm hiểu nội dung nào sau đây để hiểu về cách thức sử dụng giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản?
- a. Tuần hoàn tư bản
 - b. Tích lũy tư bản**
 - c. Tái sản xuất
 - d. Chu chuyển tư bản
112. Tiền công danh nghĩa là gì?
- a. Là số tiền mà người công nhân nhận được do bán sức lao động của mình cho nhà tư bản**
 - b. Là số tiền được biểu hiện bằng số lượng hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ mà người công nhân mua được
 - c. Là giá cả của lao động, biến động theo quan hệ cung cầu về lao động trên thị trường
 - d. Các phương án được nêu đều đúng
113. Công thức chung của Tư bản là :

- a. $T - H' - T$
- b. $T - T - H'$
- c. $T - H - T'$**
- d. $H - T' - H$

114. Chủ nghĩa tư bản thực hiện mấy phương pháp chủ yếu để sản xuất giá trị thặng dư? a.

Hai

- b. Ba
- c. Bốn
- d. Năm

115. Nhận xét nào dưới đây là đúng về tỷ suất giá trị thặng dư?

- a. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với lao động làm thuê**
- b. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh hiệu quả của đầu tư
- c. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh quy mô của sản xuất
- d. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh quy mô bóc lột của nhà tư bản

116. Đặc điểm nào dưới đây thuộc phạm trù giá trị thặng dư tuyệt đối?

- a. Kéo dài ngày lao động còn thời gian lao động tất yếu không đổi**
- b. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý
- c. Rút ngắn thời gian lao động tất yếu
- d. Tăng năng suất lao động cá biệt làm cho giá trị cá biệt thấp hơn giá trị thị trường

117. Chọn câu trả lời sai:

- a. Tái sản xuất giản đơn là đặc trưng của nền sản xuất nhỏ
- b. Tái sản xuất giản đơn là sản xuất với nguồn vốn ít, năng suất lao động cao**
- c. Tái sản xuất mở rộng là đặc trưng của nền sản xuất lớn
- d. Giá trị thặng dư là nguồn gốc của tái sản xuất mở rộng

118. Để làm rõ bản chất của lợi nhuận, C.Mác bắt đầu phân tích, làm rõ yếu tố nào sau đây? a.

- Hàng hóa sức lao động
- b. Xuất khẩu tư bản
- c. Chi phí sản xuất**
- d. Lợi tức

119. Hoàn thành luận điểm sau: Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là phần giá trị hàng hóa, bù lại giá cả của những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và giá cả của... đã được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa ấy

- a. Sức lao động**
- b. Tư liệu sinh hoạt

- c. Tư liệu sản xuất
- d. Chi phí sản xuất

120. Chi phí sản xuất được ký hiệu là gì?

- a. m
- b. v
- c. c
- d. k

121. Vai trò của tư bản bất biến trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư, chọn ý đúng nhất:

- a. Tư bản bất biến là nguồn gốc của giá trị thặng dư
- b. **Tư bản bất biến là tiền đề vật chất cho việc tạo ra giá trị thặng dư**
- c. Tư bản bất biến và sức lao động đều tạo ra giá trị thặng dư
- d. Tư bản bất biến là yếu tố quyết định để tạo ra giá trị thặng dư

122. Tiền công thực tế là gì?

- a. Là tổng số tiền mà người lao động nhận được trong một đơn vị thời gian
- b. Là tổng số tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của người lao động
- c. **Là số lượng hàng hoá và dịch vụ mua được bằng tiền công danh nghĩa**
- d. Là số tiền mà người lao động thu được sau lao động

123. Tốc độ chu chuyển của tư bản là gì?

- a. **Là số lần chu chuyển tư bản trong một năm**
- b. Là số lần chu chuyển của tư bản bất biến
- c. Là số lần chu chuyển của tư bản khả biến
- d. Là số lần chu chuyển của tư bản ứng trước

124. Căn cứ vào đâu để chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến?

- a. Tốc độ chu chuyển của tư bản
- b. Tuần hoàn tư bản
- c. **Vai trò của các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư**
- d. Phương thức chuyển giá trị của các bộ phận tư bản sang sản phẩm

125. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản giống nhau ở chỗ:

- a. Có nguồn gốc trực tiếp giống nhau
- b. Có vai trò quan trọng như nhau
- c. **Đều là tăng quy mô tư bản cá biệt**
- d. Đều là tăng quy mô tư bản xã hội

126. Hoàn thành luận điểm sau: Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động, do người bán ...tạo ra và thuộc về nhà tư bản

- a. Sức lao động
- b. Lao động
- c. Hàng hóa
- d. Sản phẩm

127. Chọn ý sai về lao động và sức lao động:

- a. Sức lao động chỉ là khả năng, còn lao động là sức lao động đã được tiêu dùng
- b. Sức lao động là hàng hoá, còn lao động không là hàng hoá
- c. Sức lao động có giá trị, còn lao động không có giá trị
- d. Tiền công trả cho lao động chứ không phải trả cho sức lao động**

128. Loại tư bản nào tồn tại dưới hình thái sức lao động, có ký hiệu là v?

- a. Tư bản bất biến
- b. Tư bản khả biến**
- c. Tư bản ứng trước
- d. Tư bản thanh toán

129. Thời gian chu chuyển tư bản không bao gồm?

- a. Thời gian sản xuất
- b. Thời gian lưu thông
- c. Thời gian tiêu thụ hàng hóa**
- d. Thời gian gián đoạn lao động

130. Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh giữa các ngành tất yếu dẫn đến sự hình thành? a.

- Giá trị xã hội
- b. Giá cả hàng hóa
- c. Lợi nhuận siêu ngạch
- d. Lợi nhuận bình quân**

131. Giá cả sản xuất được tính bằng:

- a. Tổng chi phí sản xuất và lợi nhuận
- b. Tổng chi phí sản xuất và lợi nhuận bình quân**
- c. Tổng chi phí sản xuất và giá trị thặng dư
- d. Tổng chi phí sản xuất và lợi nhuận siêu ngạch

132. Lợi tức trong chủ nghĩa tư bản là:

- a. Số tiền trả cho quyền sử dụng vốn vay
- b. Tiền lời của vốn vay
- c. Tiền lãi do kinh doanh

d. Lợi nhuận bình quân do người đi vay trả cho người cho vay về quyền sử dụng vốn vay

133. Tỷ suất giá trị thặng dư là gì?

- a. Là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản ứng trước
- b. Là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến**
- c. Là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản bất biến
- d. Là tỷ lệ phần trăm giữa giá thặng dư và tư bản lưu động

134. Tích tụ tư bản là gì?

- a. Là tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất nhiều tư bản nhỏ thành tư bản lớn
- b. Là tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư trong một xí nghiệp nào đó**
- c. Là tăng quy mô tư bản bằng cách hợp nhất nhiều tư bản nhỏ thành tư bản lớn và tư bản hóa một phần giá trị thặng dư
- d. Là tăng quy mô tư bản xã hội nhưng không làm tăng quy mô tư bản cá biệt

135. Địa tô tư bản chủ nghĩa phản ánh mối quan hệ nào sau đây?

- a. Địa chủ và công nhân nông nghiệp
- b. Địa chủ, nhà tư bản đầu tư và công nhân nông nghiệp**
- c. Giữa các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp với nhau
- d. Giữa nhà tư bản và công nhân nông nghiệp

136. Khẳng định sau đây là của ai? "...Tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này khi phát triển đến mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền"

- a. C.Mác
- b. Ph.Ăngghen
- c. C.Mác và Ph.Ăngghen
- d. V.I.Lênin**

137. Chủ nghĩa tư bản độc quyền xuất hiện vào thời gian nào?

- a. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX**
- b. Những năm đầu thế kỷ XIX
- c. Những năm 40 thế kỷ XIX
- d. Đầu thế kỷ XX

138. Một trong những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền là:

- a. Sản xuất nhỏ, phân tán
- b. Tích tụ, tập trung sản xuất và sự ra đời của các xí nghiệp quy mô lớn**
- c. Sự xuất hiện các nhà tư bản giàu có
- d. Sự hoàn thiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa

139. Chọn phương án đúng về chủ nghĩa tư bản độc quyền:

- a. Là một phương thức sản xuất mới
- b. Một giai đoạn phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa**
- c. Một hình thái kinh tế xã hội mới
- d. Một giai đoạn phát triển sau giai đoạn tư bản chủ nghĩa

140. Một trong những nguyên nhân ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Chọn phương án sai

- a. Do sự đấu tranh quyết liệt của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản**
- b. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới sự tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật
- c. Do cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp
- d. Do sự phát triển của hệ thống tín dụng trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất

141. Chủ nghĩa tư bản phát triển qua các giai đoạn nào?

- a. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc
- b. Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc
- c. Chủ nghĩa tư bản bất biến và chủ nghĩa tư bản khả biến
- d. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền**

142. Xuất khẩu tư bản là đặc điểm của:

- a. Chủ nghĩa tư bản
- b. Các nước giàu có
- c. Chủ nghĩa tư bản độc quyền**
- d. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh

143. Đặc trưng của hình thức tổ chức độc quyền Cartel (Các-ten)?

- a. Các xí nghiệp tư bản ký kết hiệp nghị thỏa thuận với nhau về giá cả sản xuất, sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán...**
- b. Việc sản xuất, tiêu thụ hàng hóa đều do một ban quản trị điều hành
- c. Gồm các xí nghiệp lớn, thuộc các ngành nghề khác nhau liên kết lại
- d. Các xí nghiệp lớn chỉ góp vốn làm ăn mà không sản xuất, kinh doanh

144. Tư bản tài chính chủ yếu thực hiện sự thống trị của mình thông qua:

- a. Lợi nhuận độc quyền
- b. Giá cả độc quyền
- c. Cho vay nặng lãi
- d. Chế độ tham dự**

145. Xuất khẩu hàng hóa là đặc điểm cơ bản của:

- a. Các nước giàu sang các nước nghèo
- b. Các nước nghèo sang các nước giàu
- c. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh**
- d. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

146. Một trong hai hình thức xuất khẩu tư bản chủ yếu là:

- a. Đầu tư trực tiếp**
- b. Đầu tư trong nước
- c. Xuất khẩu hàng hóa
- d. Xuất khẩu lao động

147. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước nhằm mục đích gì?

- a. Phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền tư nhân và tiếp tục duy trì, phát triển chủ nghĩa tư bản**
- b. Giúp nhà nước tư sản thâm tóm lợi nhuận của các nhà tư bản tư nhân
- c. Giúp nhà nước tư sản điều hòa được mâu thuẫn giai cấp trong xã hội
- d. Tạo ra công cụ mới giúp chủ nghĩa tư bản chống lại sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa

148. Cơ chế điều tiết kinh tế độc quyền nhà nước bao gồm:

- a. Cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân
- b. Độc quyền tư nhân và sự điều tiết của nhà nước
- c. Cơ chế thị trường, độc quyền tư nhân và sự điều tiết của nhà nước**
- d. Cơ chế thị trường, quy luật thị trường, điều tiết của nhà nước

149. Các tài phiệt (đầu sỏ tài chính, trùm tài chính) thực hiện sự thống trị kinh tế của mình thông qua:

- a. Chế độ tham dự**
- b. Chế độ ủy nhiệm
- c. Kết hợp chế độ tham dự và chế độ ủy nhiệm
- d. Các tổ chức tài chính quốc tế

150. Xuất khẩu hàng hóa là:

- a. Đưa hàng hóa ra trao đổi trên thị trường
- b. Đưa hàng hóa ra nước ngoài bán để thực hiện giá trị**
- c. Xuất khẩu giá trị ra nước ngoài
- d. Đầu tư tiền mua hàng hóa ở nước ngoài

151. Về kinh tế, xuất khẩu tư bản nhà nước thường hướng vào:

- a. Những ngành có tốc độ chu chuyển vốn nhanh

- b. Những ngành nhanh thu được lợi nhuận
- c. Những ngành có công nghệ tiên tiến, hiện đại
- d. Những ngành thuộc kết cấu hạ tầng**

152. Điều kiện để tiền tệ biến thành tư bản?

- a. Có lượng tiền đủ lớn để đầu tư vào sản xuất kinh doanh
- b. Tiền vận động theo công thức T-H-T'
- c. Tiền dùng để mua sức lao động sản xuất
- d. Các phương án được nêu đều đúng**

153. C.Mác đã dựa vào học thuyết nào để vạch rõ bản chất bóc lột của xã hội tư bản?

- a. Học thuyết chủ nghĩa duy vật lịch sử
- b. Học thuyết giá trị thặng dư**
- c. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội
- d. Học thuyết giá trị

154. Giá trị hàng hóa sức lao động không bao gồm yếu tố nào sau đây:

- a. Giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất sức lao động
- b. Phí tổn đào tạo người lao động
- c. Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết để nuôi con của người lao động
- d. Chi phí đầu tư máy móc, công cụ lao động cho người lao động**

155. Tiền công danh nghĩa phụ thuộc các nhân tố nào?

- a. Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của người lao động
- b. Mức độ phức tạp hay đơn giản của công việc
- c. Quan hệ cung cầu về hàng hóa sức lao động
- d. Các phương án được nêu đều đúng**

156. Cạnh tranh giữa các ngành xảy ra khi có sự khác nhau về?

- a. Cung và cầu các loại hàng hóa
- b. Lợi tức
- c. Tỷ suất lợi nhuận**
- d. Giá trị thặng dư siêu ngạch

157. Vai trò mới của ngân hàng trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền là?

- a. Đầu tư tư bản
- b. Không chế hoạt động của nền kinh tế tư bản**
- c. Là trung tâm tín dụng
- d. Là trung tâm thanh toán

158. Chế độ tham dự của tư bản tài chính được thiết lập do:

- a. Quyết định của nhà nước
- b. Yêu cầu tổ chức của các ngân hàng
- c. Yêu cầu của các tổ chức độc quyền công nghiệp
- d. Sổ cổ phiếu khống chế nắm công ty mẹ, công ty con, công ty cháu**

159. Trong cùng một đơn vị thời gian, khi số lượng sản phẩm tăng lên còn giá trị một đơn vị hàng hóa và các điều kiện khác không thay đổi thì đó là kết quả của:

- a. Tăng năng suất lao động
- b. Tăng cường độ lao động**
- c. Tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động
- d. Giảm năng suất lao động và cường độ lao động

160. Nghiên cứu học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước nhằm mục đích gì?

- a. Hiểu được những nấc thang mới trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản
- b. Hiểu những điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất để thích ứng với những biến động mới trong tình hình kinh tế và chính trị thế giới từ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đến nay
- c. Hiểu một cách sâu sắc hơn bản chất của chủ nghĩa tư bản trong thời đại mới
- d. Các phương án được nêu đều đúng**

161. Đâu là nguyên nhân quyết định dẫn đến sự tích tụ và tập trung tư bản?

- a. Lao động xã hội
- b. Tích lũy tư bản**
- c. Cải tiến kỹ thuật
- d. Tái cấu trúc hệ thống tài chính

162. Trong tổ chức độc quyền Các-ten, các nhà tư bản độc lập về hoạt động gì? Chọn phương án đúng nhất

- a. Sản xuất và thương nghiệp**
- b. Thuế quan mậu dịch
- c. Tiêu chuẩn đo lường chất lượng hàng hóa
- d. Lưu thông hàng hóa

163. Mục đích hoạt động của hình thức độc quyền Xanh-đi-ca là gì?

- a. Ký hiệp nghị thỏa thuận với nhau về giá cả, quy mô sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán
- b. Thống nhất đầu mối mua và bán để mua nguyên liệu với giá rẻ, bán hàng hoá với giá đắt nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao**
- c. Loại trừ các đối thủ cạnh tranh trong một ngành sản xuất
- d. Tự do định giá độc quyền cho sản phẩm

164. Mục đích của xuất khẩu tư bản của các cường quốc tư bản nhằm?

- a. **Chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác ở nước nhập khẩu tư bản**
- b. Để phát triển khoa học - kỹ thuật
- c. Giúp đỡ các nước nhập khẩu tư bản phát triển
- d. Chiếm đoạt lực lượng lao động của các nước nhập khẩu tư bản

165. Các tổ chức độc quyền ở thời kỳ đầu thường chọn nơi nào để xuất khẩu tư bản? a.

- Tại chính quốc
- b. Tại các nước tư bản phát triển cao
- c. **Các nước có nền kinh tế kém phát triển**
- d. Các quốc gia đang xảy ra chiến tranh

166. Vì sao trong chủ nghĩa tư bản độc quyền cạnh tranh không bị thủ tiêu?

- a. Các nhà tư bản trong tổ chức độc quyền chưa thỏa hiệp nhau
- b. Xã hội không thừa nhận các tổ chức độc quyền
- c. **Vì cạnh tranh là quy luật khách quan của kinh tế hàng hóa**
- d. Cạnh tranh là một thông lệ trong chủ nghĩa tư bản

167. Nguyên nhân cơ bản nào dẫn đến sự hình thành tư bản tài chính?

- a. Lượng tiền trong lưu thông hàng hóa quá lớn
- b. Xuất hiện tầng lớp giàu có trong xã hội tư bản
- c. **Quá trình tích tụ và tập trung trong công nghiệp và các tổ chức ngân hàng**
- d. Xuất hiện một số nhà tư bản nhà tư bản trữ một lượng tiền tệ quá lớn

168. Hoàn thiện luận điểm sau của Lênin: “Bọn tư sản chia nhau thế giới, không phải do tính độc ác đặc biệt của chúng, mà do sự ... đã đạt đến mức độ buộc chúng phải đi vào con đường ấy để kiếm lời”

- a. Độc quyền
- b. **Tập trung**
- c. Thay đổi
- d. Phát triển

169. Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc đã gây ra hậu quả nghiêm trọng nào đối với nhân loại?

- a. Hình thành chủ nghĩa khủng bố mang tính quốc tế
- b. Môi trường sinh thái bị phá hủy nghiêm trọng
- c. Nhân dân các nước trên thế giới trở nên mâu thuẫn nhau
- d. **Chiến tranh thế giới**

170. Mối quan hệ giữa độc quyền và cạnh tranh trong chủ nghĩa tư bản là:

- a. Độc quyền làm cho cạnh tranh trở nên gay gắt hơn
- b. Độc quyền sẽ thủ tiêu cạnh tranh
- c. Độc quyền làm giảm sự cạnh tranh
- d. Độc quyền và cạnh tranh hoàn toàn độc lập với nhau

171. Theo Lênin, chủ nghĩa tư bản độc quyền có mấy đặc điểm kinh tế cơ bản? a.

- Ba
- b. Bốn
- c. Năm
- d. Sáu

172. Xét về chủ thể xuất khẩu, thì xuất khẩu tư bản được chia thành:

- a. Xuất khẩu tư bản tư nhân và xuất khẩu tư bản nhà nước
- b. Xuất khẩu tư bản trực tiếp và xuất khẩu tư bản gián tiếp
- c. Xuất khẩu tư bản trong nước và xuất khẩu tư bản nước ngoài
- d. Xuất khẩu tư bản ngắn hạn và dài hạn

173. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận?

- a. Tỷ suất giá trị thặng dư
- b. Cấu tạo hữu cơ tư bản
- c. Tốc độ chu chuyển của tư bản
- d. Các phương án được nêu đều đúng

174. Quan hệ cung cầu thuộc khâu nào của quá trình tái sản xuất xã hội?

- a. Sản xuất và tiêu dùng
- b. Trao đổi
- c. Tiêu dùng
- d. Phân phối và trao đổi

175. Chọn phương án đúng về tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động:

- a. Tăng năng suất lao động làm cho số sản phẩm làm ra trong một đơn vị thời gian tăng lên, còn giá trị một đơn vị hàng hoá thay đổi
- b. Tăng cường độ lao động làm cho số sản phẩm làm ra trong một đơn vị thời gian tăng lên, còn giá trị một đơn vị hàng hoá không thay đổi
- c. Tăng năng suất lao động dựa trên cơ sở cải tiến kỹ thuật, nâng cao trình độ tay nghề người lao động, còn tăng cường độ lao động thuần túy là tăng lượng lao động hao phí trong một đơn vị thời gian
- d. Các phương án được nêu đều đúng

176. Nội dung nào sau đây không phải là tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế?

- a. Làm tăng cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận thị trường quốc tế

- b. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, hiện đại và hiệu quả
- c. Tạo ra một số thách thức đối với quyền lực nhà nước, chủ quyền quốc gia**
- d. Tác động mạnh mẽ đến hội nhập chính trị

177. WTO là từ viết tắt tên tổ chức nào sau đây?

- a. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- b. Diễn đàn hợp tác Á - Âu
- c. Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
- d. Tổ chức thương mại thế giới**

178. Khu vực thương mại tự do ASEAN được viết tắt là gì?

- a. ASEAN
- b. AFTA**
- c. ASEM
- d. APEC

179. Diễn đàn hợp tác Á - Âu được viết tắt là gì?

- a. ASEAN
- b. AFTA
- c. ASEM**
- d. APEC

180. Quy luật giá trị được xem là:

- a. Quy luật riêng của chủ nghĩa tư bản
- b. Quy luật cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá**
- c. Quy luật kinh tế chung của mọi xã hội
- d. Quy luật kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

181. Điền vào chỗ trống từ còn thiếu để hoàn thiện khái niệm sau: “Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các của thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo” a. Nguyên tắc

- b. Quy luật**
- c. Chính sách
- d. Định hướng

182. Thực chất của định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường là hướng tới?

- a. Các giá trị cốt lõi dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh**
- b. củng cố quyền lực của giai cấp lãnh đạo
- c. Đảm bảo lợi ích của giai cấp cầm quyền

d. Phát triển đồng đều các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội

183. *Đâu không phải là tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?*

- a. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phù hợp với quy luật khách quan
- b. Tính ưu việt của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thúc đẩy phát triển
- c. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với nguyện vọng của nhân dân
- d. Xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phù hợp với tiêu chuẩn chung của thế giới**

184. *Sự khác biệt cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa trong quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế là gì?*

- a. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều thành phần kinh tế hơn kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa
- b. Trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật**
- c. Sở hữu trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định trực tiếp của trình độ lực lượng sản xuất
- d. Trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa việc thúc đẩy phát triển quan hệ sở hữu tất yếu cần chú ý tới cả khía cạnh pháp lý và khía cạnh kinh tế

185. *Thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?*

- a. Kinh tế tư nhân
- b. Kinh tế hộ gia đình
- c. Kinh tế tập thể
- d. Kinh tế nhà nước**

186. *Vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?* a. Chủ đạo

- b. Nòng cốt
- c. Động lực quan trọng**
- d. Nền tảng vững chắc

187. *Ở Việt Nam tổ chức nào lãnh đạo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua cương lĩnh, đường lối phát triển kinh tế - xã hội?*

- a. Nhà nước
- b. Đảng Cộng sản**
- c. Quốc hội

d. Chính phủ

188. Tổ chức nào quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua pháp luật, các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch và cơ chế chính sách... ở Việt Nam?

a. Nhà nước

b. Đảng Cộng sản

c. Bộ Công thương

d. Bộ Tài chính

189. Những hỗ trợ thị trường trong nước khi cần thiết, hỗ trợ các nhóm dân cư có thu nhập thấp gặp rủi ro trong cuộc sống nhằm?

a. Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã hội

b. Tăng cường uy tín của Nhà nước

c. Giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo và sự bất bình đẳng

d. Ổn định chính trị xã hội

190. Trong các hình thức phân phối sau đây, hình thức phân phối nào phản ánh định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường?

a. Phân phối theo lao động

b. Phân phối theo nhu cầu

c. Phân phối theo phúc lợi

d. Các phương án được nêu đều đúng

191. Thực hiện tiến bộ công bằng xã hội có nghĩa là:

a. Điều tiết thu nhập, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội tạo tiền đề cần thiết để mọi người dân đều có cơ hội như nhau trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội b. Cào bằng, bình quân các lợi ích

c. Chia đều các nguồn lực và của cải làm ra bất chấp chất lượng, hiệu quả và mức đóng góp

d. Dồn toàn bộ mọi nguồn lực cho sự phát triển xã hội vượt quá khả năng của nền kinh tế

192. Đâu không phải là lý do cần thực hiện hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

a. Do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đồng bộ

b. Do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đầy đủ

c. Do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn kém hiệu lực, hiệu quả, kém đầy đủ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

d. Do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ra đời sau nên chưa theo kịp các thể chế kinh tế thị trường khác

193. Có mấy nội dung cần phải thực hiện để hoàn thiện thể chế và sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?
- a. 3 nội dung
 - b. 5 nội dung
 - c. 7 nội dung**
 - d. 9 nội dung
194. Điền vào chỗ trống từ còn thiếu để có cách hiểu đúng về lợi ích kinh tế? Lợi ích kinh tế là lợi ích, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người a. Cá nhân
- b. Tập thể
 - c. Vật chất**
 - d. Tinh thần
195. Xét về bản chất, lợi ích kinh tế phản ánh nội dung nào sau đây?
- a. Phản ánh mục đích và động cơ các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội**
 - b. Phản ánh nguồn gốc các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội
 - c. Phản ánh cơ sở và động lực các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội
 - d. Phản ánh tiêu chuẩn các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội
196. Về biểu hiện, lợi ích kinh tế trước hết của chủ doanh nghiệp sẽ là gì?
- a. Tiền công
 - b. Lợi nhuận**
 - c. Thương hiệu
 - d. Chất lượng sản phẩm
197. Ai là tác giả của câu nói sau? “Ở đâu không có lợi ích chung thì ở đó không thể có sự thống nhất về mục đích và cũng không thể có sự thống nhất về hành động được” a. C.Mác
- b. Ph.Ăngghen**
 - c. V.I.Lênin
 - d. Hồ Chí Minh
198. Trong các hình thức lợi ích kinh tế, hình thức nào sau đây được xem là cơ sở, nền tảng của các hình thức lợi ích khác?
- a. Lợi ích cá nhân**
 - b. Lợi ích nhóm
 - c. Lợi ích cộng đồng
 - d. Lợi ích xã hội
199. Có mấy nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế?

- a. 2 nhân tố
- b. 3 nhân tố
- c. 4 nhân tố**
- d. 5 nhân tố

200. Trong các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế, nhân tố nào biểu hiện sự tác động mạnh mẽ và nhiều chiều đến lợi ích kinh tế của các chủ thể?

- a. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội
- b. Địa vị các chủ thể trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội
- c. Chính sách phân phối thu nhập của nhà nước
- d. Hội nhập kinh tế quốc tế**

201. Điền vào chỗ trống từ còn thiếu để hoàn thiện khẳng định sau đây của Ph.Ăngghen: “Ở đâu không có chung thì ở đó không thể có sự thống nhất về mục đích và cũng không thể có sự thống nhất về hành động được”

- a. Mục tiêu
- b. Lợi ích**
- c. Định hướng
- d. Nguyên tắc

202. Đảng ta quan niệm kinh tế hàng hóa có những mặt tích cực cần vận dụng cho xây dựng chủ nghĩa xã hội từ kỳ đại hội nào?

- a. Đại hội VI**
- b. Đại hội VII
- c. Đại hội VIII
- d. Đại hội IX

203. Kỳ đại hội nào Đảng ta đã khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”? a. Đại hội VI

- b. Đại hội VII
- c. Đại hội IX
- d. Đại hội XI**

204. Mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì?

- a. Là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất
- b. Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội
- c. Nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng văn minh”

d. Các phương án được nêu đều đúng

205. *Cơ sở sâu xa cho sự hình thành sở hữu hiện thực, trước hết xuất phát từ quá trình nào sau đây?*
- a. Quá trình sản xuất hàng hóa
 - b. Quá trình tích lũy hàng hóa
 - c. Quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội**
 - d. Quá trình lưu thông xã hội
206. *Sở hữu bao hàm những nội dung nào sau đây?*
- a. Nội dung kinh tế và nội dung chính trị
 - b. Nội dung chính trị và nội dung pháp lý
 - c. Nội dung kinh tế và nội dung pháp lý**
 - d. Nội dung kinh tế và nội dung xã hội
207. *Từ nào sau đây diễn đạt vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:*
- a. Chủ đạo**
 - b. Nòng cốt
 - c. Quan trọng
 - d. Nền tảng
208. *Thành phần kinh tế nào giữ vai trò là một động lực quan trọng trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?*
- a. Kinh tế tư nhân**
 - b. Kinh tế hộ gia đình
 - c. Kinh tế tập thể
 - d. Kinh tế nhà nước
209. *Thành phần kinh tế nào sau đây được xem là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?*
- a. Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể
 - b. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân**
 - c. Kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân
 - d. Kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể
210. *Đâu không phải là bộ phận cơ bản của thể chế kinh tế?*
- a. Hệ thống pháp luật về kinh tế của nhà nước và các quy tắc xã hội được nhà nước thừa nhận
 - b. Hệ thống các chủ thể thực hiện các hoạt động kinh tế
 - c. Các cơ chế, phương pháp, thủ tục thực hiện các quy định và vận hành nền kinh tế

d. Các cương lĩnh, đường lối phát triển kinh tế - xã hội

211. Về biểu hiện, lợi ích kinh tế trước hết của người lao động là gì?

- a. Tiền công**
- b. Phúc lợi xã hội
- c. Bồi dưỡng nâng cao trình độ
- d. Chế độ ưu đãi

212. Theo Ph.Ăngghen những quan hệ kinh tế của một xã hội nhất định biểu hiện trước hết dưới hình thái nào sau đây?

- a. Hàng hóa
- b. Tiền tệ
- c. Lợi ích**
- d. Thị trường

213. Trong các luận điểm sau, đâu không phải là vai trò của lợi ích kinh tế?

- a. Lợi ích kinh tế là động lực trực tiếp của các chủ thể kinh tế - xã hội
- b. Lợi ích kinh tế là động lực trực tiếp của các hoạt động kinh tế - xã hội
- c. Lợi ích kinh tế là mục tiêu hàng đầu của các chủ thể kinh tế - xã hội**
- d. Lợi ích kinh tế là cơ sở thúc đẩy sự phát triển của các lợi ích khác

214. Điền vào chỗ trống từ còn thiếu để hoàn thiện quan điểm sau của C.Mác: “Cội nguồn phát triển của xã hội không phải là quá trình nhận thức, mà là các quan hệ của đời sống vật chất, tức là các lợi ích của con người”

- a. Vật chất
- b. Tinh thần
- c. Kinh tế**
- d. Cá nhân

215. “Đổi mới phải luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc”. Quan điểm trên của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XII nói về nguyên tắc nào?

- a. Nguyên tắc lợi ích của tập thể
- b. Nguyên tắc lợi ích vì dân**
- c. Nguyên tắc lấy dân làm gốc
- d. Nguyên tắc ngoại giao nhân dân

216. Mối quan hệ về lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động được biểu hiện như thế nào?

- a. Là mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, thống nhất với nhau

b. Là mối quan hệ chặt chẽ, vừa thống nhất vừa mâu thuẫn với nhau

c. Là mối quan hệ đối lập, mâu thuẫn với nhau

d. Là mối quan hệ cân bằng, song hành nhưng có mặt đối lập với nhau

217. Sự thống nhất và mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa những người sử dụng lao động được biểu hiện tập trung ở yếu tố nào sau đây?

a. Giá trị thặng dư

b. Lợi nhuận

c. Lợi nhuận bình quân

d. Tỷ suất lợi nhuận

218. Để đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội cần phải thực hiện?

a. Đảm bảo lợi ích cá nhân trước hết

b. Chỉ cần tôn trọng lợi ích xã hội

c. Chống “lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” tiêu cực

d. Đặt lợi ích nhóm lên hàng đầu

219. Chọn câu trả lời sai khi đề cập đến phương thức thực hiện lợi ích kinh tế trong các quan hệ lợi ích chủ yếu?

a. Thực hiện lợi ích kinh tế theo nhu cầu cá nhân

b. Thực hiện lợi ích kinh tế theo nguyên tắc thị trường

c. Thực hiện lợi ích kinh tế theo chính sách của nhà nước

d. Thực hiện lợi ích kinh tế theo vai trò của các tổ chức xã hội

220. Chọn câu trả lời sai về vai trò của nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích?

a. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế

b. Tập trung vào việc nâng cao lợi ích cá nhân

c. Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội

d. Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế

221. Để tạo lập môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế trước hết cần phải làm gì?

a. Giữ vững ổn định về chính trị

b. Nâng cao chất lượng giáo dục

c. Phát triển khoa học công nghệ

d. Tăng cường hội nhập quốc tế

222. Để tạo lập môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế cần thực hiện biện pháp nào sau đây?

a. Giữ vững ổn định về chính trị

- b. Xây dựng môi trường pháp luật hoàn thiện
- c. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng
- d. Các phương án được nêu đều đúng**

223. *Đâu là những điều kiện vật chất để thực hiện ngày càng đầy đủ sự công bằng xã hội trong phân phối?*

- a. Nâng cao địa vị của chủ thể trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội
- b. Nhà nước phải đưa ra được các chính sách phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế trong từng giai đoạn phát triển
- c. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ để nâng cao thu nhập cho các chủ thể kinh tế**
- d. Xây dựng môi trường pháp luật thông thoáng, bảo vệ được lợi ích chính đáng của các chủ thể kinh tế trong và ngoài nước

224. *Để chống lại các hình thức thu nhập bất hợp pháp, bảo đảm hài hòa các lợi ích kinh tế trước hết cần phải làm gì?*

- a. Có bộ máy nhà nước liêm chính, có hiệu lực**
- b. Nhà nước cần thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo
- c. Đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện, giúp đỡ người nghèo
- d. Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội

225. *Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế là gì?*

- a. Phải giải quyết kịp thời, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên
- b. Phải thường xuyên quan tâm phát hiện mâu thuẫn và chuẩn bị chu đáo các giải pháp đối phó
- c. Phải có sự tham gia hòa giải của các tổ chức xã hội có liên quan, đặc biệt là nhà nước
- d. Phải có sự tham gia của các bên liên quan, có nhân nhượng và phải đặt lợi ích đất nước lên trên hết**

226. *Hiện nay, loài người đang trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ mấy?*

- a. Lần thứ hai
- b. Lần thứ ba
- c. Lần thứ tư**
- d. Lần thứ năm

227. *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Nhất khởi phát ở nước nào?*

- a. Anh**
- b. Pháp
- c. Đức
- d. Liên Xô

228. Phát minh nào trong số các phát minh sau được xem là mốc mở đầu quá trình cơ giới hóa sản xuất?
- a. Thoi bay của John Kay
 - b. Xe kéo sợi Jenny
 - c. Máy dệt của Edmurd Cartwright
 - d. Máy hơi nước của James Watt**
229. Cách mạng công nghiệp lần thứ Hai diễn ra trong khoảng thời gian nào sau đây?
- a. Đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII
 - b. Giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX
 - c. Nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX**
 - d. Thập niên 60 của thế kỷ XX đến cuối thế kỷ XX
230. Đặc trưng cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ Ba là gì?
- a. Chuyển từ lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc
 - b. Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện
 - c. Sử dụng công nghệ thông tin, tự động hóa sản xuất**
 - d. Xuất hiện các công nghệ mới có tính đột phá về chất như trí tuệ nhân tạo...
231. Cuộc cách mạng công nghiệp nào đã tạo ra những tiến bộ vượt bậc trong giao thông vận tải và thông tin liên lạc?
- a. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
 - b. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai**
 - c. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba
 - d. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
232. Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển là gì?
- a. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất
 - b. Thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất
 - c. Thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển
 - d. Các phương án được nêu đều đúng**
233. "... trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại". Giai cấp thống trị được C.Mác và Ph.Ăngghen nhắc tới trong nhận xét trên là giai cấp nào?
- a. Giai cấp vô sản
 - b. Giai cấp tư sản**
 - c. Giai cấp chủ nô
 - d. Giai cấp địa chủ

234. Cuộc cách mạng công nghiệp nào đã đẩy nhanh quá trình xã hội hóa sản xuất thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển biến từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền làm gia tăng mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn này?
- Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
 - Cách mạng công nghiệp lần thứ hai**
 - Cách mạng công nghiệp lần thứ ba
 - Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
235. Điền vào chỗ trống từ còn thiếu để hoàn chỉnh khái niệm sau: Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao
- Chân tay
 - Trí óc
 - Giản đơn
 - Thủ công**
236. Đâu không phải là một trong ba mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới?
- Mô hình công nghiệp hóa cổ điển
 - Mô hình công nghiệp hóa kiểu Liên Xô cũ
 - Mô hình công nghiệp hóa định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
 - Mô hình công nghiệp hóa của Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs)
237. Nhân tố quyết định sự thắng lợi của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn là?
- Công nghiệp hóa – hiện đại hóa**
 - Tăng cường giao lưu văn hóa
 - Sự ổn định chính trị
 - Sự đoàn kết của các giai cấp tầng lớp
238. Để xây dựng nền kinh tế có tính độc lập tự chủ cao, theo Lênin cần phải ưu tiên nội dung nào sau đây?
- Ưu tiên phát triển tư liệu sản xuất**
 - Ưu tiên nâng cao trình độ người lao động
 - Ưu tiên cải thiện chất lượng đời sống người lao động
 - Ưu tiên đầu tư cho các quan hệ sản xuất
239. Trong hệ thống cơ cấu kinh tế thì cơ cấu nào giữ vị trí quan trọng nhất?
- Cơ cấu ngành**
 - Cơ cấu vùng
 - Cơ cấu thành phần kinh tế
 - Cơ cấu độ tuổi lao động

240. *Quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay trước hết cần ưu tiên phát triển ngành công nghiệp nào sau đây?*
- a. Công nghiệp năng lượng
 - b. Công nghiệp cơ khí**
 - c. Công nghiệp điện tử
 - d. Công nghiệp hàng tiêu dùng
241. *Có mấy biện pháp Việt Nam phải thực hiện để xây dựng thành công nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế?*
- a. 3 biện pháp
 - b. 4 biện pháp
 - c. 5 biện pháp**
 - d. 6 biện pháp
242. *Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm nào?*
- a. 1993
 - b. 1995**
 - c. 1996
 - d. 1998
243. *Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào năm nào?*
- a. 1995
 - b. 1998
 - c. 2007**
 - d. 2009
244. *Điền vào chỗ trống từ còn thiếu để hoàn thiện khái niệm về hội nhập kinh tế quốc tế: “Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia đó là thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các quốc tế chung”*
- a. Nguyên tắc
 - b. Thoản thuận
 - c. Pháp luật
 - d. Chuẩn mực**
245. *Toàn cầu hóa trên phương diện nào sau đây được xem là xu thế nổi trội nhất, vừa là trung tâm, vừa là cơ sở và động lực thúc đẩy toàn cầu hóa ở các lĩnh vực khác?*
- a. Kinh tế**
 - b. Chính trị
 - c. Văn hóa
 - d. Xã hội

246. Điền vào chỗ trống từ còn thiếu để hoàn thiện khái niệm về cách mạng công nghiệp? Cách mạng công nghiệp là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật - công nghệ đó vào đời sống xã hội.
- Quan hệ sản xuất
 - Phương thức sản xuất
 - Tư liệu lao động**
 - Đối tượng lao động
247. Cách mạng công nghiệp lần thứ Nhất diễn ra vào thời gian nào sau đây?
- Đầu thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVI
 - Đầu thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII
 - Giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX**
 - Nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX
248. Cách mạng công nghiệp lần thứ Ba diễn ra trong khoảng thời gian nào sau đây?
- Đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII
 - Giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX
 - Nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX
 - Thập niên 60 của thế kỷ XX đến cuối thế kỷ XX**
249. Nội dung cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ Nhất là gì?
- Chuyển từ lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, thực hiện cơ giới hóa sản xuất bằng việc sử dụng năng lượng nước và hơi nước**
 - Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra các dây chuyền sản xuất có tính chuyên môn hóa cao, chuyển nền sản xuất cơ khí sang nền sản xuất điện cơ khí và sang giai đoạn tự động hóa cục bộ trong sản xuất
 - Sử dụng công nghệ thông tin và tự động hóa sản xuất
 - Sự xuất hiện các công nghệ mới có tính đột phá về chất như trí tuệ nhân tạo, in 3D...
250. Nội dung cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ Hai là gì?
- Chuyển từ lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, thực hiện cơ giới hóa sản xuất bằng việc sử dụng năng lượng nước và hơi nước
 - Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra các dây chuyền sản xuất có tính chuyên môn hóa cao, chuyển nền sản xuất cơ khí sang nền sản xuất điện cơ khí và sang giai đoạn tự động hóa cục bộ trong sản xuất**
 - Sử dụng công nghệ thông tin và tự động hóa sản xuất
 - Sự xuất hiện các công nghệ mới có tính đột phá về chất như trí tuệ nhân tạo, in 3D...
251. Đặc trưng cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ Tư là gì?

- a. Chuyển từ lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc
 - b. Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện
 - c. Sử dụng công nghệ thông tin, tự động hóa sản xuất
 - d. Xuất hiện các công nghệ mới có tính đột phá về chất như trí tuệ nhân tạo, in 3D...**
252. *Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra các dây chuyền sản xuất có tính chuyên môn hóa cao, chuyển nền sản xuất cơ khí sang nền sản xuất điện cơ khí và sang giai đoạn tự động hóa cục bộ trong sản xuất. Đây là nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp nào?*
- a. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
 - b. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai**
 - c. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba
 - d. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
253. *Phương pháp quản lý sản xuất tiên tiến của H.For và Taylor được ra đời trong cuộc cách mạng công nghiệp nào?*
- a. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
 - b. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai**
 - c. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba
 - d. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
254. *Hệ thống mạng, máy tính cá nhân, thiết bị điện tử sử dụng công nghệ số và robot công nghiệp xuất hiện từ cuộc cách mạng công nghiệp nào?*
- a. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
 - b. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai
 - c. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba**
 - d. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
255. *Các cuộc cách mạng công nghiệp xuất hiện đều có những nội dung cốt lõi về yếu tố nào sau đây?*
- a. Đối tượng lao động
 - b. Quan hệ sản xuất
 - c. Quan hệ lao động
 - d. Tư liệu lao động**
256. *Cuộc cách mạng công nghiệp nào sau đây đã làm gia tăng mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển từ đó dẫn đến cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và cuộc chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) đòi phân chia lại thuộc địa?*
- a. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
 - b. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai**
 - c. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

- d. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
257. Cuộc cách mạng nào sau đây đã tạo điều kiện để chuyển biến nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức?
- a. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
 - b. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai
 - c. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba**
 - d. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
258. Cuộc cách mạng công nghệ nào sau đây sẽ có sự hợp nhất về công nghệ từ đó xóa bỏ ranh giới giữa các lĩnh vực kỹ thuật số, vật lý và sinh học?
- a. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
 - b. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai
 - c. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba
 - d. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**
259. Thách thức lớn nhất mà các quốc gia phải đối diện trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư là gì?
- a. Khoảng cách phát triển về lực lượng sản xuất**
 - b. Sức ép cạnh tranh và thích ứng rất lớn
 - c. Nạn thất nghiệp và phân hóa thu nhập gay gắt
 - d. Sự thiếu hụt về tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường
260. Sự thích ứng hiệu quả với những tác động mới của cách mạng công nghiệp lần thứ Tư được xác định là nhiệm vụ của ai?
- a. Nhà nước
 - b. Doanh nghiệp
 - c. Toàn dân**
 - d. Các tổ chức kinh tế
261. Con đường công nghiệp hóa theo mô hình Liên Xô cũ thường ưu tiên phát triển ngành nào?
- a. Công nghiệp chế biến
 - b. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng
 - c. Công nghiệp dệt
 - d. Công nghiệp cơ khí, chế tạo máy**
262. Quá trình công nghiệp hóa của Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs) diễn ra khoảng bao nhiêu năm?
- a. 10 - 20 năm
 - b. 20 - 30 năm**
 - c. 30 - 50 năm

d. 60 - 80 năm

263. *Đâu không phải là đặc điểm chủ yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam?*

a. Công nghiệp hóa hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

b. Công nghiệp hóa hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tiểu nông

c. Công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

d. Công nghiệp hóa hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và Việt Nam đang tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

264. *Nội dung quan trọng hàng đầu để thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì?*

a. Thực hiện tạo lập các điều kiện cần thiết trên tất cả các mặt của đời sống xã hội

b. Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại

c. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả

d. Từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

265. *Thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội hiện đại không bao hàm nội dung nào sau đây?*

a. Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại

b. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả

c. Từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

d. Xây dựng chiến lược phát triển nền kinh tế tri thức và đảm bảo về an ninh quốc phòng

266. *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại đòi hỏi phải được tiến hành như thế nào?*

a. Tiến hành từng bước, tuần tự ở tất cả các ngành, các vùng và các lĩnh vực của nền kinh tế

b. Tiến hành đồng bộ, cân đối ở tất cả các ngành, các vùng và các lĩnh vực của nền kinh tế

c. Tiến hành đồng bộ, cân đối ở tất cả các lĩnh vực kinh tế

d. Tiến hành nhanh chóng, hiệu quả ở tất cả các ngành, các vùng kinh tế

267. *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả chính là?*

a. Tăng tỷ trọng ngành nông nghiệp, giảm tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP

b. Tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và công nghiệp trong GDP

c. Tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP

d. Tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và nông nghiệp, giảm tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP

268. *Cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả phải đáp ứng được yêu cầu nào sau đây?*

- a. Khai thác, phân bổ và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong nước, thu hút có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội
- b. Cho phép ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại vào các ngành, các vùng và các lĩnh vực của nền kinh tế
- c. Phù hợp xu thế phát triển chung của nền kinh tế và yêu cầu của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế
- d. Các phương án được nêu đều đúng**

269. *Chọn câu trả lời sai khi đề cập đến những đặc điểm chủ yếu của nền kinh tế tri thức?*

- a. Tri thức trở thành lực lượng sản xuất gián tiếp**
- b. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi
- c. Nguồn nhân lực nhanh chóng được tri thức hóa
- d. Mọi hoạt động đều có liên quan đến vấn đề toàn cầu hóa kinh tế

270. *Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân ở nước ta là nhằm?*

- a. Phát triển kinh tế - xã hội
- b. Nâng cao vị thế trên trường quốc tế
- c. Xây dựng chủ nghĩa xã hội**
- d. Đảm bảo chất lượng cuộc sống